ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40 /2018/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 28 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4550/TTr-NN&PTNT-TL ngày 26/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Công ty TNHH MTV Thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc các Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ Nông nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy, TT HĐND (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- TT Thông tin;
- V0, V3, NLN3, XD2;
- Lưu VT, NLN1 (55B-QD 103).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Huy Hậu

QUY ĐỊNH
Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2018/QĐ-UBND ngày 28/12/ 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với tất cả các công trình thủy lợi (bao gồm đập; trạm bơm; hệ thống dẫn, chuyển nước; kè; bờ bao thủy lợi; cống qua bờ bao thủy lợi, qua các mương, rạch; các công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi) đã được xây dựng và đưa vào quản lý, khai thác, sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Phạm vi vùng phụ cận

1. Phạm vi vùng phụ cận để bảo vệ công trình thủy lợi là giới hạn khoảng cách theo phương ngang và không gian theo chiều thẳng đứng nằm ngoài, liền kề với khối kiến trúc xây dựng công trình.

2. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi để phục vụ cho công tác bảo vệ an toàn công trình, vận hành, khai thác và sửa chữa, tu bổ được thuận lợi. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

Điều 4: Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kênh nổi: Là kênh đắp hoặc xây nổi trên mặt đất, có đáy kênh cao hơn mặt đất tự nhiên.

2. Kênh chìm: Là kênh có mặt cắt ngang kênh theo thiết kế đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên (có mặt cắt chuyển nước nằm dưới mặt đất tự nhiên).

3. Kênh nửa chìm, nửa nổi: Là kênh không thuộc quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều này.

4. Kênh đất: Là kênh được xây dựng bằng đất, kênh được đào trực tiếp trên nền đất hoặc kênh đắp bằng đất.

5. Kênh kiên cố: Là kênh được xây bằng gạch, đá hoặc đổ bê tông tại chỗ hay đúc sẵn rồi lắp ghép thành kênh.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được quy định như sau:

1. Phạm vi vùng phụ cận của hệ thống dẫn, chuyển nước:

a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 02 m^3/s, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài trở ra là 02 m đối với kênh đất, 01 m đối với kênh kiên cố.

b) Các công trình trên kênh bao gồm cống, xi phông, cầu máng, kênh ngầm, cửa lấy nước và công trình trên kênh khác, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 03 m về mỗi phía.

c) Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, các hành lang bảo vệ an toàn tuân thủ theo tiêu chuẩn của đường dây tải điện hiện hành.

Khi đường dây tải điện được đầu tư xây dựng sau công trình thủy lợi thì chủ đầu tư, ngành điện phải tuân thủ theo khoản 1, khoản 2 của Điều này.

d) Những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kênh kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi. Việc cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ do đơn vị quản lý giao thông thực hiện, có sự tham gia, phối hợp của đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

đ) Cống qua đê phạm vi bảo vệ tuân theo Luật Đê điều.

e) Những công trình thủy lợi đi qua hoặc nằm trong khu công nghiệp cũng thực hiện vùng phụ cận như nêu trên, các hoạt động khu công nghiệp không được làm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng của công trình và chất lượng nước. Trừ trường hợp công trình có quyết định chuyển đổi công năng hoàn toàn sang phục vụ công nghiệp thì sẽ được bàn giao cho chủ đầu tư khu công nghiệp để thực hiện dự án được duyệt.

2. Vùng phụ cận của tuyến đường ống được quy định như sau:

- Ống có đường kính D $\leq$ 250 mm, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài trở ra là 01 m;
- Ống có đường kính D từ 300÷600 mm, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài trở ra là 1,5 m;
- Ống có đường kính D > 600 mm, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài trở ra là 02 m;

3. Việc bảo vệ trạm bơm tuân theo quy định sau:

Trạm bơm phải có hàng rào bảo vệ, vùng phụ cận quy định như sau:

a) Khu vực trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở vào.

b) Khu vực trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ: Phạm vi công trình trạm bơm được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng, đơn vị trực tiếp quản lý khai thác trạm bơm phải xây dựng hàng rào bảo vệ theo ranh giới được giao đất. Phạm vị vùng phụ cận tính như quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này.

4. Phạm vi bảo vệ tường kè:

a) Kè chống xói.

- Từ đầu kè và từ cuối kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét;
- Từ mép trong tường kè trở vào bờ 10 mét ;
- Từ chân kè trở ra sông 20 mét.

b) Kè chỉnh trị dòng nước

- Từ chân kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét;
- Từ gốc kè trở vào bờ 50 mét;

- Từ chân đầu kè trở ra sông 20 mét.

5. Phạm vi bảo vệ đập tràn:

a) Vùng phụ cận của đập không tràn áp dụng theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 40, Luật Thủy lợi;

b) Vùng phụ cận của đập tràn:

- Từ điểm xây đúc ngoài cùng về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét;
- Từ điểm xây đúc ngoài cùng trở vào bờ 10 mét.

6. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt như sau: công trình xây đúc kiên cố, công trình đất.

7. Phạm vi vùng phụ cận những công trình không có trong quy định này phải tuân theo Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, tổ chức hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi thực hiện quy định này.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi, đơn vị tổ chức triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình; tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, chỉ đạo xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quy hoạch mạng lưới giao thông thủy, giao thông bộ, xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, thực hiện cắm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình theo quy định hiện hành.

5. Các Sở, ngành khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 7: Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã; tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện quy định này.

b) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện quy định này.

c) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

d) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến quy định này tại địa phương.

b) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Phối hợp với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi cắm mốc và quản lý mốc giới bảo vệ công trình khi được bàn giao.

c) Phối hợp kịp thời với các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong việc rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

d) Kịp thời xử lý những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý.

3. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi:

a) Lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ công trình theo Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

b) Tổ chức cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình; trực tiếp quản lý các mốc chỉ giới, kinh phí cho việc cắm mốc thực hiện theo Khoản 1, 2 Điều 43 của Luật Thủy lợi.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

d) Lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý.

đ) Chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, quản lý hành lang, mốc giới bảo vệ công trình. Trường hợp hành lang bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang bị vi phạm để xử lý.

e) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

f) Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm; phối hợp các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện quy định này trên địa bàn.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)* để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

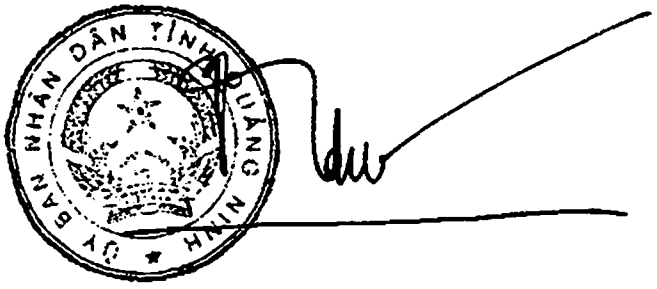

Đặng Huy Hậu